TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/DSST
Ngày: 30/5/2024.
V/v tranh chấp hợp đồng góp vốn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường.

2. Ông Nguyễn Văn Bỉnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Giàu – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành – Hậu Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành – Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 249/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp vốn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 05 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2024/QĐ-DS ngày 17/5/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trà Văn C, sinh năm 1983. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đông Bình, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1988. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Thị Trấn, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- *Người làm chứng*: Ông Trương Thanh T, sinh năm 1966. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Khánh Hội, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/7/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Trà Văn C trình bày:

Vào ngày 24/4/2021 ông Trà Văn C và ông Nguyễn Hoàng P góp vốn mua mít lá của ông Trương Thanh T tại ấp Khánh Hội, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Thuê 20.000m^2 đất ông P xuất vốn, ông C xuất công và giữ vườn. Tiền thuốc mỗi người phân nữa, huê lợi bán mít chia hai. Hợp đồng góp vốn chỉ nói miệng với nhau không có văn bản. Năm 2021, 2022 hai bên làm ăn ổn định, đến năm 2023 nhà nước thu hồi đất làm lộ cao tốc, bồi thường cây mít được 369.000.000 đồng. Yêu cầu ông Nguyễn Hoàng P trả lại cho ông Trà Văn C 100.000.000 đồng từ tiền bồi thường cây mít. Năm 2023 ông C có thuê thêm 8000m^2 đất của bà H (không rõ họ tên) là vợ ông T với giá là 40.000.000 đồng, ông P có nói với ông C chia cho ông P 10.000.000 đồng ông C còn lại 30.000.000 đồng. Nhưng ông C trả hết 40.000.000 đồng cho chủ đất. Phần huê lợi trên 8000m^2 đất này vẫn bán chia hai, hợp đồng góp vốn này chỉ nói miệng với nhau không có hợp đồng. Yêu cầu ông Nguyễn Hoàng P trả 10.000.000 đồng tiền góp vốn mua mít lá.

Bị đơn Nguyễn Hoàng P trình bày: Vào ngày 24/4/2021 ông Nguyễn Hoàng P và ông Trà Văn C có thỏa thuận góp vốn mua 20.000m^2 đất trồng mít lá của ông Trương Thanh T, thỏa thuận không có lập thành văn bản. Khi thỏa thuận thuê đất thì chỉ có ông P và ông Tùng không có ông C, sau đó ông C mới xin góp vốn, nội dung thuê đất 04 năm 05 tháng với giá là 660.000.000 đồng, ông P đã đặt cọc trước cho ông T là 50.000.000 đồng vào ngày thuê đất. Đến tháng 5 năm 2021 ông P giao thêm cho ông Tùng 200.000.000 đồng. Tới thời hạn ông C giao tiền thuê đất cho ông T số tiền 200.000.000 đồng thì ông C không có tiền giao tiền thuê đất cho ông T. Nên ông P xuất tiền thêm 200.000.000 đồng giao tiền thuê đất cho ông T. Theo thỏa thuận còn lại là 210.000.000 đồng tiền thuê đất thì bán hoa màu trên đất để trả tiền thuê cho ông T, chưa bán được thì bị thu hồi làm lộ cao tốc được bồi thường 396.000.000 đồng tiền cây trồng trên đất. Thì ông P nhận 159.000.000 đồng và trả cho ông T 210.000.000 đồng tiền thuê đất. Ông P đã giao lại cho ông C 30.000.000 đồng còn lại 129.000.000 đồng ông P trừ vào tiền thuê đất. Tổng phần tiền ông P bỏ ra thuê đất 450.000.000 đồng, đã trừ 129.000.000 đồng còn lại 321.000.000 đồng, yêu cầu ông C trả lại cho ông P 165.000.000 đồng. Phần thuê đất 8000m^2 đất ông P không biết gì về phần này. Ông Nguyễn Hoàng P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trà Văn C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trình bày quan điểm: Kể từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả cho nguyên đơn số tiền góp vốn trong hợp đồng hợp tác mua mít lá. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Thị Trấn, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Do đó căn cứ vào Điều 26, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng góp vốn, căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành và được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về hợp đồng hợp tác góp vốn mua mít lá: Giữa nguyên đơn và bị đơn có hợp tác thỏa thuận mua mít lá trên diện tích 20.000m^2, giá là 660.000.000 đồng thời hạn 04 năm 05 tháng. Việc hợp tác này giữa nguyên đơn và bị đơn không có lập thành văn bản, phần tiền trả tiền thuê đất bị đơn đã trả hết cho người cho thuê đất, nguyên đơn không có trả tiền thuê đất. Nguyên đơn chỉ quản lý chăm sóc cây trồng, khi bán mít có tiền thì chia sau khi trừ đi tiền phân bón, tiền thuốc xịt mít, tiền thuê đất. Nguyên đơn cũng đã nhận tiền chia sau mỗi lần bán mít. Lời khai của ông Trương Thanh T chủ đất có thấy nguyên đơn vào ở săn sóc vườn mít, nhưng không biết giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận gì về việc hợp tác mua mít lá không, còn tiền thuê vườn thì thì chỉ có bị đơn trả cho ông T, nguyên đơn không có trả tiền thuê vườn. Về phần nguyên đơn có thuê thêm đất từ con ông T thuê khoảng 5 tháng rùi trả lại vườn. Từ những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận mua mít lá, nhưng không có lập thành văn bản, nguyên đơn cũng không có trả tiền thuê đất (tiền mua mít lá) mà bị đơn trả tiền mua mít lá, nguyên đơn có nhận tiền chia sau

mỗi lần bán mít. Trong vụ kiện này nguyên đơn phải chứng minh được hợp đồng góp vốn nguyên đơn và bị đơn mỗi người góp bao nhiêu, ai là người trả tiền cho chủ đất cụ thể nguyên đơn trả bao nhiêu tiền, bị đơn trả bao nhiêu tiền, thỏa thuận khi bán mít phân chia mỗi người là bao nhiêu, phân bón và thuốc xịt mít là bao nhiêu cho từng lần bán mít, như vậy mới đủ chứng cứ chứng minh cho việc góp vốn mua mít lá, nhưng nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh được các vấn đề nêu trên. Chứng tỏ nguyên đơn chỉ đi làm thuê cho bị đơn không có chứng cứ nào chúng minh cho việc hợp tác góp vốn mua mít lá, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 100.000.000 đồng tiền bồi thường cây mít khi thu hồi đất là chưa phù hợp.

Đối với việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 10.000.000 đồng tiền nguyên đơn cho rằng bị đơn có góp vốn cho việc nguyên đơn thuê thêm đất để trồng mít, nhưng nguyên đơn không có chứng cứ nào chứng minh và bị đơn cũng không thừa nhận việc này. Nên không có đủ cơ sở chấp nhận và đề nghị của đại diện viện kiểm sát về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39,147, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 504 Bộ luật dân sự 2015.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

2/ Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn phải chịu 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm ngàn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

3/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4/ Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHA huyện Châu Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Nhân